

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	4,20	
1.	1.1	5	
2.	1.2	4	
3.	1.3	4	
4.	1.4	4	
5.	1.5	4	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	4,00	
6.	2.1	4	
7.	2.2	4	
8.	2.3	4	
9.	2.4	4	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	4,00	
10.	3.1	4	
11.	3.2	4	
12.	3.3	4	
13.	3.4	4	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	4,00	
14.	4.1	4	
15.	4.2	4	
16.	4.3	4	
17.	4.4	4	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCD</i>	4,00	
18.	5.1	4	
19.	5.2	4	
20.	5.3	4	
21.	5.4	4	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	4,00	
22.	6.1	4	
23.	6.2	4	
24.	6.3	4	
25.	6.4	4	
26.	6.5	4	
27.	6.6	4	
28.	6.7	4	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật</i>	4,60	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
	<i>chất</i>		
29.	7.1	4	
30.	7.2	4	
31.	7.3	5	
32.	7.4	5	
33.	7.5	5	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	5,00	
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	5	
37.	8.4	5	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	4,17	
38.	9.1	5	
39.	9.2	4	
40.	9.3	4	
41.	9.4	4	
42.	9.5	4	
43.	9.6	4	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4,25	
44.	10.1	5	
45.	10.2	4	
46.	10.3	4	
47.	10.4	4	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong</i>	4,00	
48.	11.1	4	
49.	11.2	4	
50.	11.3	4	
51.	11.4	4	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4,00	
52.	12.1	4	
53.	12.2	4	
54.	12.3	4	
55.	12.4	4	
56.	12.5	4	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	5,00	
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	5	
60.	13.4	5	
61.	13.5	5	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5,00	
62.	14.1	5	
63.	14.2	5	
64.	14.3	5	
65.	14.4	5	
66.	14.5	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5,00	
67.	15.1	5	
68.	15.2	5	
69.	15.3	5	
70.	15.4	5	
71.	15.5	5	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	5,00	
72.	16.1	5	
73.	16.2	5	
74.	16.3	5	
75.	16.4	5	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	4,50	
76.	17.1	5	
77.	17.2	5	
78.	17.3	4	
79.	17.4	4	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	5,00	
80.	18.1	5	
81.	18.2	5	
82.	18.3	5	
83.	18.4	5	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	5,00	
84.	19.1	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
85.	19.2	5	
86.	19.3	5	
87.	19.4	5	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	5,00	
88.	20.1	5	
89.	20.2	5	
90.	20.3	5	
91.	20.4	5	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và PVCD	4,00	
92.	21.1	4	
93.	21.2	4	
94.	21.3	4	
95.	21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo	5,00	
96.	22.1	5	
97.	22.2	5	
98.	22.3	5	
99.	22.4	5	
IV.23	Tiêu chuẩn 23: Kết quả NCKH	4,67	
100.	23.1	5	
101.	23.2	5	
102.	23.3	5	
103.	23.4	5	
104.	23.5	4	
105.	23.6	4	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả PVCD	4,00	
106.	24.1	4	
107.	24.2	4	
108.	24.3	4	
109.	24.4	4	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4,00	
110.	25.1	4	
111.	25.2	4	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5 điểm;
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm;

- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%)./.

*(Trích từ Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục,
tháng 11 năm 2022, giai đoạn đánh giá: 2018-2022- Theo
tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*